TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 476/2021/HSPT
Ngày 21/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Điều Văn Hằng;
Các thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 465/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Nguyễn Thị T; giới tính: Nữ; sinh năm: 1959, tại huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Hưu trí; con ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết), có chồng là Bạch Công C (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2019; Có mặt;

**** Người bào chữa cho các bị cáo do Tòa án chỉ định:*** Luật sư Nguyễn Thị Th - Văn phòng luật sư H1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình; Có mặt;

**** Người bị hại có kháng cáo:*** Ông Nguyễn Xuân X, sinh năm 1972; địa chỉ: phường E, quận N, thành phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X:*** Luật sư Tạ Anh T1 - Văn phòng luật sư L1, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*** Ngân hàng Q; địa chỉ: phường H2, quận C1, thành phố Hà Nội; Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Tiến D, cán bộ Ngân hàng Q và bà Nguyễn Thị L3, Giám đốc dịch vụ Ngân hàng Q chi nhánh Hòa Bình; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là Chủ tịch hội đồng quản trị (gọi tắt là HĐQT) Công ty V, tỉnh Hòa Bình nên thường xuyên giao dịch vay tiền của Ngân hàng Q chi nhánh tỉnh Hòa Bình. Do đó, Nguyễn Thị T có quen biết với anh Trần Bảo S là chuyên viên khách hàng doanh nghiệp.

Khoảng giữa tháng 3/2019, Nguyễn Thị T có gặp và nói chuyện với anh Trần Bảo S về việc Công ty của T đang nợ Ngân hàng Q chi nhánh tỉnh Hòa Bình đã quá hạn trả nợ mà chưa trả được, đang gặp khó khăn bế tắc trong các công trình, dự án đang thực hiện. Thấy vậy, anh S giới thiệu T là cô quen với chú X Công ty K trên địa bàn tỉnh Hoà Bình thì hỏi vay tiền chú ấy, chú X mở tài khoản chỗ cháu, dạo này chú X ký được nhiều công trình làm ăn tốt lắm. Sau đó, S gọi điện thoại cho ông X để giới thiệu Nguyễn Thị T với ông X.

Khoảng giữa tháng 3/2019 Nguyễn Thị T đã chủ động gọi điện thoại cho ông X và để tạo lòng tin với ông X, Nguyễn Thị T nói với ông X là T đang xin 02 dự án "Dự án kè Sông Bùi - Lương Sơn với gói thầu nhận đươc là 50 tỷ đồng và dự án đường ven biển Thái Bình - Hải Phòng với gói thầu nhận được là 400 tỷ đồng" và chắc chắn T sẽ xin được, đồng thời T nói với ông X khi xin được 02 dự án thì sẽ cùng ông X thi công. Sau đó, T nói đang bí tiền và đặt vấn đề với ông X cho T vay trước mấy trăm triệu đồng. Do tin tưởng Nguyễn Thị T xin được 02 dự án và cả hai cùng thi công 02 dự án này, nên ông X đã đồng ý cho T vay tiền, do không có tiền ngay nên ông X nói hiện chưa có tiền mà phải chờ một hai ngày để thu xếp.

Sau đó ngày 19/3/2019 ông X gọi điện cho anh Nguyễn Tuấn G, sinh năm 1987, trú tại: thị trấn I, huyện I, tỉnh Hoà Bình là kế toán Công ty K, chuyển tiền từ số tài khoản 780xxx5669999 của Công ty K vào số tài khoản cá nhân 455100006xxx84 do T cung cấp với số tiền là 500.000.000 đồng.

Đến ngày 25/3/2019, Nguyễn Thị T trực tiếp đến Văn phòng đại diện của Công ty K tại khu đô thị V1, gặp trao đổi và thỏa thuận với ông X về việc ông X đưa cho T 4.000.000.000 đồng để T đi lo các thủ tục giấy tờ xin dự án kè sông Bùi và 6.000.000.000 đồng để lo các thủ tục giấy tờ xin dự án đường ven biển Thái Bình - Hải Phòng. Sau khi xin được dự án thì T và ông X cùng làm. Đồng thời, T hẹn ngày hôm sau sẽ có hồ sơ của dự án đóng dấu đỏ đưa cho ông X. Do

tin tưởng vào những thông tin mà Nguyễn Thị T đưa ra và mong muốn có công trình để thi công, nên ông X đã đồng ý với T.

Sau khi hai bên thống nhất với nhau, Nguyễn Thị T viết một giấy vay tiền đề ngày 25/3/2019 với nội dung T nhận số tiền 10.000.000.000 đồng của ông X để lo xin 02 dự án: Kè Sông Bùi - Lương Sơn và đường ven biển Thái Bình - Hải Phòng, đồng thời hẹn trong thời gian 03 tháng sẽ lo được 02 công trình này cho Công ty ông X nếu chưa hoàn thành tôi sẽ hoàn trả lại số tiền 10.000.000.000 đồng và phải chịu chi phí lãi vay thiệt hại là 1.500.000.000 đồng. Sau đó, ông X cử kế toán Công K đến Ngân hàng A chi nhánh L2, phòng giao dịch tại quận N, Hà Nội chuyển số tiền 8.500.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân số 17294xxx2 đến số tài khoản 780110000xxx8 theo yêu cầu của T. Ngoài ra, tại phòng làm việc của mình, ông X đã bảo chị Dương Thị H4, sinh năm 1994, trú tại: Phường L1, quận Đ1, thành phố Hà Nội, là kế toán của Công ty đến K1, chi nhánh T2, phường E, quận N, Hà Nội rút 1.200.000.000 đồng tiền mặt từ số tái khoản 1913289xxx6019 của Công ty, sau đó chị H4 cầm tiền về đưa lại cho ông X tại phòng làm việc và ông X đã đưa trực tiếp 1.000.000.000 đồng cho T.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 10.000.000.000 đồng của ông X. Nguyễn Thị T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết 1.500.000.000 đồng, còn số tiền 8.500.000.000 đồng, T chuyển vào tài khoản của Công ty V mở tại Ngân hàng Q chi nhánh Hòa Bình. Do Công ty V đang vay của Ngân hàng Q chi nhánh Hòa Bình số tiền 29.000.000.000 đồng nhưng đã quá hạn mà không trả được, nên Ngân hàng Q chi nhánh Hòa Bình đã thu nợ đối với số tiền 8.500.000.000 đồng do Nguyễn Thị T phạm tội mà có. Sau khi phát hiện việc bị T lừa đảo chiếm đoạt 10.000.000.000 đồng của mình, ông Nguyễn Xuân X đã có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an.

Ngày 29/10/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hoà Bình tạm giữ 01 (một) quyển sổ có bìa màu đỏ, trên bìa ghi Công ty Đ2 (kính tặng) được đánh số thứ tự từ 01 đến 10 có chữ ký của Nguyễn Thị L3, tại trang số 10 là giấy vay tiền viết ngày 25/3/2019, có chữ ký của Nguyễn Thị T (người vay) và Nguyễn Thị L3 (người làm chứng). Quyển sổ do Nguyễn Thị L3 là kế toán Công ty K tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, lưu hồ sơ vụ án.

Đối với vật chứng của vụ án là số tiền 8.500.000.000 đồng (tám tỷ năm trăm triệu đồng) trong tài khoản của Ngân hàng Q - chi nhánh Hòa Bình. Ngày 17/4/2020, Ngân hàng Q - Chi nhánh Hòa Bình có Văn bản số xxx cho biết: "Q chỉ thực hiện việc chuyển giao số tiền 8,5 tỷ đồng khi có quyết định cuối cùng của cơ quan tố tụng có thẩm quyền (Bản án có hiệu lực pháp luật).

Đối với ông Trần Anh T3 - Giám đốc Ngân hàng Q và Trần Bảo S - Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Q chi nhánh Hoà Bình, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, nhưng không có

căn cứ xác định Trần Anh T3 và Trần Bảo S có liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 20/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/12/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Xuân X số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng);

Ngân hàng Q phải trả cho ông Nguyễn Xuân X số tiền 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Q kháng cáo phần dân sự, đề nghị sửa án sơ thẩm không buộc ngân hàng phải trả 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu đồng) cho bị hại.

Ngày 29/4/2021, người bị hại là ông Nguyễn Xuân X kháng cáo phần dân sự đề nghị buộc ngân hàng phải trả lãi và khoản tiền gốc 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 04/5/2021, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như trong quá trình điều tra bị cáo đã khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo khai nhận đã chiếm đoạt 10 tỷ đồng của bị hại, số tiền này bị cáo không chia cho ai. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do tuổi cao sức yếu, nhiều bệnh tật và xem xét trách nhiệm dân sự bị cáo chỉ còn phải trả cho bị hại là 1,5 tỷ đồng.

Ông Nguyễn Xuân X là bị hại rút toàn bộ kháng cáo yêu cầu buộc Q phải trả lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng A đối với khoản tiền 8,5 tỷ và đề nghị Q sớm hoàn trả khoản tiền này cho mình. Ông X cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Ngân hàng Q kháng cáo đề nghị sửa phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm theo hướng Q không có trách nhiệm hoàn trả số tiền 8,5 tỷ đã thu nợ từ công ty của bị cáo cho ông Nguyễn Xuân X là bị hại. Q cho rằng việc chiếm giữ khoản tiền này là ngay tình, dựa trên căn cứ giữa Q và công ty V

có hợp đồng tín dụng và V đang nợ Q khoảng trên 29 tỷ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X: Ngân hàng Q không có căn cứ để thu giữ khoản tiền của bị hại. Vì đây là tang vật của vụ án, là tài sản của ông X và bị cáo lừa để chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Sau khi phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo, nội dung kháng cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy có đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay không có tình tiết nào mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nhưng xét thấy bị cáo chỉ còn trách nhiệm trả cho bị hại 1,5 tỷ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại rút kháng cáo tự nguyện, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại. Kháng cáo của Q cho rằng về phần dân sự cấp sơ thẩm buộc Q phải trả cho ông Nguyễn Xuân X 8,5 tỷ là không đúng, vì khoản tiền này là tang vật của vụ án hình sự, là tài sản của ông X do bị cáo chiếm đoạt nên phải trả lại theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Tại phần tranh luận và đối đáp:

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Trong vụ án này, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm vẫn mong Hội đồng xét xử xem xét nếu buộc ngân hàng Q phải trả cho bị hại 8,5 tỷ đồng. Tức là bị cáo chỉ còn trách nhiệm bồi thường dân sự 1,5 tỷ đồng cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X: nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Đại diện Ngân hàng Q: không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, cho rằng Ngân hàng có toàn quyền thu giữ tiền trong tài khoản của công ty V, do công ty đang vay nợ Q. Việc thu giữ này là ngay tình, ngân hàng không cần biết nguồn gốc số tiền này từ đâu. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa về trách nhiệm dân sự của bản án, không buộc ngân hàng trả lại 8,5 tỷ cho ông X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao: vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị HĐXX xem xét có thể giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại tự nguyện rút kháng cáo do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị T khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù không có chức trách, không có khả năng nhưng T đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật với ông X về việc T đang đi xin 02 Dự án (kè sông Bùi- Lương và đường ven biển Thái Bình-Hải Phòng). T hứa với ông X sau 03 tháng sẽ xin được hai dự án và khi xin được dự án sẽ cùng nhau thi công, đồng thời ông X đưa cho T 10 tỷ đồng để T đi xin 02 dự án này. Sau khi nhận được tiền của ông X, T đã chi tiêu cá nhân 1,5 tỷ và khoản 8,5 tỷ do công ty V đang vay của Q 29 tỷ nhưng đã quá hạn nên Q chi nhánh Hòa Bình đã thu số tiền này từ tài khoản của công ty V để thu nợ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị T theo điểm a khoản 4 Điều 174 là có căn cứ, đúng ngươi, đúng tội, không oan.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo nhận thức rõ về khả năng, chức trách của bản thân và không có khả năng quyết định việc được nhận thầu xây dựng các dự án nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin không có thật và hứa hẹn xin được nhận dự án, từ đó yêu cầu các bị hại phải nộp tiền để chiếm đoạt. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Mẹ đẻ bị cáo được tặng thưởng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, vì vậy xử phạt bị cáo 19 năm tù là phù hợp quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của Nhà nước. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên, tại phiên tòa người bị hại đề nghị Hội đồng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng ngân hàng Q phải hoàn trả lại cho bị hại 8,5 tỷ là đúng pháp luật. Do vậy trách nhiệm dân sự bị cáo chỉ còn phải trả cho bị hại là 1,5 tỷ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm án cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q, Hội đồng xét xử thấy:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 25/3/2019 ông X từ tài khoản cá nhân chuyển 8,5 tỷ đồng vào tài khoản của Công V theo yêu cầu bị cáo T. Trong ngày 25/3/2019 trên tài khoản của công ty V chỉ có thêm một khoản tiền là 69.863 đồng (bút toán trả lãi). Ngày 26/3/2019, Q phát sinh thu nợ gía trị 8,5 tỷ đồng. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án phản ánh từ ngày 01/3/2019 đến ngày 29/5/2019 tài khoản của Công ty V không có phát sinh thêm khoản tiền nào, ngoài các khoản tiền nêu trên. Đồng thời, không có tài liệu, căn cứ thể hiện giữa Công ty V và ông X xác lập giao dịch, thỏa thuận vay mượn tiền hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T cũng khai nhận việc ông X chuyển tiền vào tài khoản của công ty V là theo chỉ định của bị cáo, để bị cáo rút ra chiếm đoạt. Bị cáo X cũng không phải là đại diện pháp luật của Công ty V. Theo Công văn số xxx ngày 27/11/2019 của Ngân hàng Q gửi Cơ quan điều tra- Công an tỉnh Hòa Bình có nội dung "Bà Nguyễn Thị T chưa từng phát sinh nghĩa vụ tín dụng tại ngân hàng Q". Như vậy, khoản tiền này cũng không được Nguyễn Thị T dùng để trả nợ vay của bị cáo và ngân hàng Q. Do vậy, hoàn toàn có căn cứ xác định khoản tiền 8,5 tỷ đồng trong tài khoản của Công ty V ngày 25/3/2019 là tiền của ông Nguyễn Xuân X bị Nguyễn Thị T lừa chuyển đến tài khoản của Công ty V để chiếm đoạt, mặc dù lý do chuyển tiền của ông X ghi là cho vay. Nên cũng không có căn cứ xác lập để Công ty V hưởng lợi, chiếm hữu, định đoạt khoản 8,5 tỷ đồng này hay dùng khoản tiền này để trả nợ. Khi giải quyết vụ án này các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã xác định, chứng minh số tiền 8,5 tỷ đồng là vật chứng của vụ án, là tiền do bị cáo T lừa ông X để chiếm đoạt trái pháp luật. Vì vậy, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ngân hàng Q cho rằng Công ty V được hưởng lợi, là chủ sở hữu khoản 8,5 tỷ đồng khi tiền vào tài khoản của Công ty, bất kể nguồn gốc của khoản tiền nêu trên là không có căn cứ. Mặt khác, các khoản vay của Công ty V với ngân hàng Q chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng tín dụng là có tài sản đảm bảo hoặc được cam kết của công ty dùng nguồn vốn trả nợ từ các công trình thi công và một số nguồn khác để trả nợ. Vì vậy, trong trường hợp ngân hàng Q - chi nhánh Hòa Bình xử lý khoản nợ của Công ty V theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên còn phải đảm bảo và tuân theo các quy định khác của pháp luật. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS: "Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc ngươi quản lý hợp pháp", buộc Ngân hàng Q phải trả cho ông Nguyễn Xuân X số tiền 8,5 tỷ đồng là phù hợp. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo; đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ngươi bị hại; không

chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người bị hại rút kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị T; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại Nguyễn Xuân X; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/12/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Xuân X số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng;

Ngân hàng Q phải trả cho ông Nguyễn Xuân X số tiền 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng.

3. Về án phí:

Ngân hàng Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Ngân hàng Q đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0006408 ngày 20/5/2021 của Cục THADS tỉnh Hòa Bình.

Hoàn trả ông Nguyễn Xuân X 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0006371 ngày 17/5/2021 của Cục THADS tỉnh Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357;

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- TTG - CA tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo (qua trại);
- NBH (theo đ/c);
- NLQ (theo đ/c);
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

(đã ký)

Điều Văn Hằng